

Giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật và hương ước ở nông thôn

Bùi Xuân Đính *

Tóm tắt: Trong việc xây dựng xã hội mới, Việt Nam phải giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và hiện tại trên nhiều phương diện. Về mặt quản lý xã hội, quan hệ này thể hiện ở việc giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật và phong tục cùng các giá trị đạo đức của xã hội cũ, giữa hành chính và tự quản, giữa nhà nước với các đơn vị dân cư và các địa phương có những khác biệt nhau về nhiều mặt. Quá trình xây dựng xã hội mới ở nước ta là quá trình Đảng và Nhà nước từng bước nhận thức được vị trí và vai trò pháp luật và của việc quản lý xã hội bằng pháp luật, hình thành tư tưởng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đồng thời kế thừa kinh nghiệm của nhà nước phong kiến trong việc giải quyết mối quan hệ giữa làng và nước, giữa tự quản và hành chính, giữa phong tục và pháp luật.

Từ khóa: Pháp luật; hương ước; nông thôn Việt Nam.

1. *Quá trình xây dựng xã hội mới ở bất kỳ quốc gia nào cũng phải giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và hiện tại trên nhiều phương diện. Về mặt quản lý xã hội, mối quan hệ giữa truyền thống và hiện tại thể hiện ở việc giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật và phong tục cùng các giá trị đạo đức của xã hội cũ, giữa hành chính và tự quản, giữa nhà nước với các đơn vị dân cư và các địa phương vốn có những khác biệt nhau về nhiều mặt.*

Xã hội mới đòi hỏi phải được quản lý bằng pháp luật, hay là một “xã hội pháp trị”. Pháp luật tạo ra sự thống nhất, sự đồng thuận, đảm bảo lợi ích toàn cục; trong khi đó, những khác biệt của các đơn vị dân cư (thể hiện ở phong tục) và của các đơn vị hành chính địa phương (thể hiện ở tập quán quản lý) tạo ra sự phân tán và những lợi ích cục bộ, không tạo ra sự đồng thuận trên toàn cục, ảnh hưởng đến phát triển xã hội.

Càng ở các xã hội tiền công nghiệp, hay xã hội công nghiệp giai đoạn phôi thai, tính dị biệt của các địa phương - cơ sở tạo ra tư tưởng cục bộ và sự không đồng thuận càng rõ nét.

Xã hội công nghiệp từng bước quét bỏ các biểu hiện của cục bộ, “cát cứ” địa phương, những tập quán, lề thói, lối sống của con người ở các cộng đồng nhỏ hẹp, không có lợi cho quản lý xã hội và cho sự phát triển của các cộng đồng lớn để tiến tới hình thành nền pháp luật và nền quản lý chung.

Các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin đã từng bàn đến việc giải quyết mối

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

ĐT: 0973786203. Email: buixuandinh.dth@gmail.com. Bài viết trong khuôn khổ đề tài “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp áp dụng luật pháp và hương ước làng trong quản lý xã hội nông thôn mới” thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 tài trợ.

quan hệ giữa pháp luật và tập quán trong xây dựng xã hội mới. C.Mác đã coi các công xã nông thôn là những “thế giới vi mô cục bộ”. Ở nước Nga, khi vạch ra đề án xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ngay sau Cách mạng tháng Mười 1917 thành công, V.I.Lênin đã rất lưu ý đến những ảnh hưởng của tàn dư, tập quán địa phương đối với việc xây dựng xã hội mới. Theo ông, giải quyết mối quan hệ giữa tập quán địa phương và pháp luật chung của cả nước (tức mối quan hệ giữa địa phương và trung ương) là một trong những vấn đề cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, bởi “thái độ của địa phương đối với trung ương đã là một vấn đề lớn của chúng ta”⁽¹⁾; nhằm bảo đảm hiệu lực của pháp luật chung, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của trung ương; lưu ý đến những đặc điểm riêng và phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương. Từ những luận điểm ấy, V.I.Lênin cho rằng, đấu tranh chống những tập tục lạc hậu của chế độ cũ là một nhiệm vụ cấp bách và cũng là một trong những nội dung của chuyên chính vô sản, thể hiện trong câu nói bất hủ: “Chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, có đổ máu và không đổ máu, có bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính, chống những thế lực và tập tục của xã hội cũ”⁽²⁾. Cuộc đấu tranh này diễn ra gay go, phức tạp và kéo dài, vì “vấn đề ở đây là phải cải tạo “chế độ” thâm căn cố đế nhất đã thành tập quán, cũ rích, bất di bất dịch” vì “sức mạnh của tập quán ở hàng triệu và hàng chục triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất”⁽³⁾.

Ở nước ta, việc xóa bỏ những ảnh hưởng của những phong tục, tập quán lạc hậu nhằm bảo đảm hiệu lực của pháp luật trong toàn bộ đời sống xã hội là một trong những nhân tố quan trọng thắng lợi của chế độ

mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ ra rằng, cùng với chủ nghĩa tư bản, bọn đế quốc và chủ nghĩa cá nhân, *những thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là một loại kẻ thù, thậm chí là kẻ địch to của cách mạng*, vì nó “ngăn ngàm ngăn trở cách mạng tiến bộ, chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài”⁽⁴⁾. Cuộc đấu tranh này ở nước ta càng khó khăn và phức tạp hơn vì nước ta là một nước nông nghiệp, nông dân, “đối tượng” của cuộc đấu tranh không chỉ là nông dân, mà cả công nhân, trí thức, vì họ vốn xuất thân từ nông dân, nông thôn, hay có quá khứ không xa là nông dân, ở nông thôn.

2. Quá trình xây dựng xã hội mới ở nước ta là quá trình Đảng và Nhà nước từng bước nhận thức được vị trí và vai trò pháp luật và của việc quản lý xã hội bằng pháp luật, hình thành tư tưởng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại lịch sử đất nước, nhất là trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có thể thấy rằng, các quy phạm chính trị, nghị quyết của cấp ủy Đảng các cấp, quyết định của các đoàn thể, kết hợp với dư luận và các quan niệm về đạo đức có một vị trí rất quan trọng, như là những phương tiện, công cụ chính yếu để quản lý xã hội. Đặc biệt, ở nông thôn, hợp tác xã - một tổ chức kinh tế của người nông dân với điều lệ của nó, với quyền được phân phối sản phẩm chủ đạo là lương thực và thực phẩm, đảm nhiệm cả việc quản lý con người và là nhân

⁽¹⁾ V.I.Lênin (1977), *Về pháp chế xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.386.

⁽²⁾ *Sđđ*, tr.224.

⁽³⁾ *Sđđ*, tr.238.

⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh (1980), *Tuyển tập*, t.2, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.99.

tổ quan trọng tham gia quản lý xã hội. Có thể nói, một thời gian dài, pháp luật gần như “vắng bóng” trong đời sống xã hội nông thôn. Chính vì thế, ở một xã, một thôn làng, vị trí, vai trò, uy tín của người đứng đầu tổ chức Đảng hay chủ nhiệm hợp tác xã được đề cao hơn, được biết đến nhiều hơn, còn người đứng đầu chính quyền (chủ tịch ủy ban hành chính (UBHC), hay ủy ban nhân dân (UBND) từ năm 1976 trở đi) ở một vị trí thấp hơn nhiều. Vai trò của hội đồng nhân dân (HĐND) - cơ quan mang tính lập pháp của địa phương rất mờ nhạt - không thể hiện được chức năng giám sát các hoạt động của cơ quan hành chính. Các kỳ họp của HĐND do chủ tịch UBHC hay UBND chủ trì (do không có chức danh chủ tịch HĐND) diễn ra rất hình thức, thiếu tính phản biện và tranh luận. Chức danh thư ký UBHC hay UBND có vai trò quan trọng trong điều hành các công việc của chính quyền. Các đại biểu HĐND đảm nhiệm công việc thường với danh dự chính trị là chính; không thể hiện được vai trò, nhiệm vụ là đại biểu của cơ quan giám sát.

Công cuộc Đổi mới với bước đột phá từ mặt trận nông nghiệp, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, hộ gia đình được xác định là đơn vị kinh tế tự chủ đã tạo ra những thay đổi mạnh mẽ và toàn diện cho nông thôn. Cung cách quản lý bằng nghị quyết, chỉ thị, điều lệ, dư luận... trước đây không còn phù hợp. Từ thực tế của quá trình lãnh đạo công cuộc Đổi mới, Đảng ta đã từng bước nhận thức được vai trò của pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật, của việc xây dựng nhà nước và pháp quyền để quản lý xã hội; đặt ra yêu cầu phải “đổi mới” pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Những đổi

mới trong nhận thức về vai trò của pháp luật và việc quản lý xã hội bằng pháp luật được thể hiện qua văn kiện các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) - đại hội mở đầu công cuộc Đổi mới - nhấn mạnh, quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm xây dựng pháp luật, từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật. Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật⁽⁵⁾.

Đại hội Đảng lần thứ VII (năm 1991) chỉ rõ, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực của nền kinh tế thị trường, giữ cho công cuộc Đổi mới đúng hướng, Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý kinh tế - xã hội bằng luật pháp⁽⁶⁾.

⁽⁵⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

http://123.30.190.43/tiengviet/tulieuvankien/vankien-dang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=223&id=BT1260354904, cập nhật ngày 02 tháng 6 năm 2011.

⁽⁶⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.55.

Văn kiện Đại hội nhấn mạnh đến việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân; dân chủ không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ cương, kỷ luật, thiếu trách nhiệm công dân. Dân chủ phải đi đôi với pháp chế⁽⁷⁾. Điều quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân⁽⁸⁾.

Điều đáng lưu ý trong Văn kiện của Đại hội này, lần đầu tiên cụm từ “Xây dựng Nhà nước pháp quyền” được đưa ra; đặt ra việc đề cao quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương; đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Nhà nước trung ương, xây dựng chính quyền xã, phường vững mạnh.

Đại hội Đảng lần thứ VIII (năm 1996) tiếp tục phát triển các luận điểm về tăng cường hiệu lực của pháp luật và vai trò của Nhà nước trong công cuộc Đổi mới. Nếu Đại hội VII mới đặt vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền thì Đại hội VIII phát triển thành luận điểm “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Nội dung cơ bản của luận điểm coi Nhà nước là cột trụ của hệ thống chính trị, là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân; quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Văn kiện Đại hội cũng nhấn mạnh, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội bằng pháp luật; đồng thời với việc coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức⁽⁹⁾, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp⁽¹⁰⁾.

Đại hội Đảng lần thứ IX (năm 2001) tiếp tục các quan điểm về nhà nước và pháp luật

của Đại hội VIII, nhấn mạnh chính sách và pháp luật của nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội⁽¹¹⁾. Do vậy, phải đảm bảo cho Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành hiến pháp và pháp luật⁽¹²⁾.

Văn kiện Đại hội cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) khẳng định, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng cơ chế vận hành của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường tính cụ

(7), (8) *Sđđ*, tr.125; 91-92.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.43- 44.

(10) *Sđđ*, tr.111.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.124.

(12) *Sđđ*, tr.132.

thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật⁽¹³⁾. Văn kiện Đại hội đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp để tăng cường hiệu lực của nhà nước.

Đại hội Đảng lần thứ XI (năm 2011) xác định, tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương xã hội⁽¹⁴⁾.

Cụ thể hóa những đổi mới nhận thức về nhà nước và pháp luật, về quản lý xã hội bằng pháp luật trên đây, Đảng và Nhà nước ta từng bước chỉ đạo giải quyết những vấn đề về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước qua thực tiễn cuộc sống, một mặt, chú trọng đến các giải pháp nhằm hoàn thiện bộ máy nhà nước trung ương, mặt khác, rất quan tâm đến việc tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước địa phương, trong đó đặc biệt coi trọng tới chính quyền cấp xã. Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa VIII đã thông qua Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 30 tháng 6 năm 1989 (thay thế Luật tổ chức HĐND và UBND năm 1983). Ngày 26 tháng 11 năm 2003, Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 đã thông qua Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; quy định cách thức tổ chức và hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND các cấp. Vị trí, chức năng và nhiệm vụ của HĐND và UBND cũng được quy định trong Hiến pháp 1992. Năm 1994, lần đầu tiên ở cấp xã có chức danh chủ tịch HĐND.

Việc phát triển, quản lý kinh tế - xã hội trong điều kiện cơ chế thị trường làm cho công tác tư pháp ở xã (phường, thị trấn) có

vai trò rất quan trọng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan tư pháp ở cấp cơ sở này lần lượt được hướng dẫn tại các Thông tư liên tịch số 12/TTLB-BTP-BTCCBCP ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Bộ Tư pháp - Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ, Thông tư liên tịch số 04/2005/TTLT-BTP-BNV ngày 5 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ. Để hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về tư pháp, Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư Liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2009 thay thế các văn bản trên. Điều 7, Điều 8 của Thông tư Liên tịch này nêu rõ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tư pháp trên địa bàn, với 12 nhiệm vụ. Trong đó, những nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến các hoạt động tư pháp ở địa bàn cơ sở. Công chức Tư pháp - Hộ tịch ở cấp xã có nhiệm vụ tham mưu giúp UBND cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên⁽¹⁵⁾.

Tóm lại, công cuộc Đổi mới với trọng tâm là chuyển nền kinh tế từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, đặt ra nhiều vấn đề về quản lý xã hội. Đây cũng là quá trình Đảng ta đổi mới nhận thức về vai trò quản lý của Nhà nước, về vị trí quan

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.126.

(14) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.

(15) *Thông tư liên tịch Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã.*
http://www.moj.gov.vn/vbqp/Lists/Vn%20bn%20ph%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=12138.

trọng của pháp luật và tầm quan trọng của việc quản lý xã hội bằng pháp luật, trên cơ sở đó, hình thành tư tưởng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

3. *Quá trình xây dựng xã hội mới nói chung, quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới nói riêng, Đảng và Nhà nước ta kế thừa kinh nghiệm của nhà nước phong kiến trong việc giải quyết di sản truyền thống.*

Đặc điểm nổi bật của xã hội truyền thống các tộc người ở nước ta là được hình thành trên cơ sở ba thông số cơ bản (nông nghiệp, nông dân, nông thôn), tuyệt đại đa số cư dân sống trong các làng (bản) là đơn vị dân cư cơ bản, được hình thành từ xa xưa, có lệ tục, lễ thói riêng; hương ước (ở người Việt) và phong tục, luật tục (ở các tộc người thiểu số) là công cụ chính yếu để quản lý đời sống các cộng đồng dân cư cơ bản, tạo ra tính biệt lập, nhiều khi “độc lập” giữa làng với nhà nước, giữa tự quản và hành chính, giữa tục và luật. Các đặc điểm về kinh tế, cơ cấu tổ chức, văn hóa... của làng làm cho người nông dân có tâm lý trọng tĩn, trọng tình và trọng tục, đối lập với tâm lý trọng động, trọng lý và trọng luật của cư dân đô thị, cư dân công nghiệp và buôn bán. Đứng trước tình hình đó, nhà nước phong kiến thể hiện ba thái độ sau:

- Chấp nhận tục lệ trong luật, soạn thảo luật có nội dung phù hợp với phong tục. Khi soạn thảo luật, các vị vua quan pháp luật luôn lưu ý đến sự tồn tại lâu đời của phong tục làng xã (trong 722 điều của Quốc triều hình luật (QTHL) có từ 407 - 434 điều riêng biệt so với các bộ luật Trung Hoa đời Đường, đời Minh⁽¹⁶⁾, liên quan đến hôn nhân gia đình, 58 điều), thừa kế tài sản v.v.; đặc biệt là có nhiều điều khoản bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ. "Đó là những

điều khoản bắt rễ từ phong tục cổ Việt Nam"⁽¹⁷⁾ và "Các vua chúa Việt Nam và các đình thần rất tôn trọng truyền thống và phong tục của họ, rất tôn sùng các luật lệ cũng như phong tục cổ và đã ứng xử hành động theo đúng tinh thần đó" và đây là “sự khôn ngoan về mặt chính trị (của các vị vua chúa), thể hiện “pháp luật phải cố gắng duy trì sự phù hợp với đời sống hàng ngày của dân chúng, phải lệ thuộc các truyền thống và phong tục cũ”⁽¹⁸⁾.

- Dùng luật để củng cố phong tục và từ đó để trở lại củng cố luật, tạo ra sự ổn định xã hội. Biểu hiện rõ nét của chủ trương này là hướng các quan hệ gia đình theo luân lý Nho giáo, tạo ra một quyền lực gia đình mang đậm tính Nho giáo, giúp cho nhà nước nắm được gia đình - hạt nhân cơ bản của xã hội. Mở đầu bộ QTHL là quy định 5 hạng tang và biểu đồ để tang 9 bậc cho họ nội. Trong 10 tội bị quy là "Thập ác" có 4 tội thuộc phạm vi chống lại luân lý gia đình là *Ác nghịch* (đánh và mưu giết ông bà cha mẹ và những người ngang hàng), *Bất hiếu* (tố cáo mắng chửi, không phụng dưỡng ông bà, cha mẹ; có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi như thường lệ); *Bất mục* (giết hay đem bán những người trong họ phải để tang từ 3 tháng trở lên, đánh đập, tố cáo chồng cùng những người họ hàng phải để tang từ 5 tháng trở lên); *Nội loạn* (gian dâm với người trong họ phải để tang từ 5 tháng trở lên)⁽¹⁹⁾.

(16). (17). (18) Insun Yu (1994), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.80; 93; 95-96.

(19) Các tội còn lại có 5 thuộc phạm vi chống nhà nước (*mưu phản, mưu đại nghịch, mưu chống đối, đại bất kính*), 1 tội thuộc phạm vi làm mất trật tự xã hội (*bất đạo*: giết một nhà ba người vô tội, giết người đã man).

- Định hướng phong tục, hương ước theo quỹ đạo của nhà nước, dùng các biện pháp để kiểm soát và "áp chế" phong tục và luân lý cổ truyền. Theo chính sử ghi lại, cho đến cuối thời Trần, nhiều tập tục dân gian còn đầy tính "hồn nhiên" được duy trì, thậm chí còn được khuyến khích, như năm Nhâm Dần niên hiệu Đại Trị (năm 1362), Vua Trần Dụ Tông còn lệnh cho quan - quân - dân trong cả nước, ai dâng trò tạp hý lên thì được ban thưởng⁽²⁰⁾. Nhưng sang thời Lê, các tập tục dân gian phải chịu phần xét khắc nghiệt của vua quan dưới cái nhìn Nho giáo. Từ đó, các đời vua từng bước can thiệp vào phong tục tập quán làng xã. Trong QTHL có 8 điều (141, 142, 314, 315, 318, 324, 333, 338) về các khía cạnh của phong tục tang ma, hôn nhân được luật hóa. Ngoài ra, nhà nước phong kiến còn ban nhiều chỉ dụ lệ nhằm chuẩn định phong tục.

Quá trình Đổi mới giúp Đảng và Nhà nước ta thấy được những mặt tích cực, những truyền thống tốt đẹp của làng xã, người nông dân, bên cạnh nhấn mạnh tăng cường vai trò của pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự, cũng đề ra các chủ trương kế thừa và phát huy vai trò của hương ước, của các phong tục tập quán, giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật và phong tục.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, sự thay đổi của thể chế chính trị - kinh tế - xã hội đất nước làm cho hương ước mất "vị thế" của nó trong quản lý xã hội; chỉ còn tồn tại ở một mức độ nhất định, phục vụ cho công cuộc kháng chiến. Vào đầu năm 1948, Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Đông trình lên Chủ tịch Hồ Chí Minh bản hương ước kháng chiến mẫu gồm 5 điều do Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua ngày 15 tháng 12 năm 1947, Hồ Chí Minh đã gửi Bộ

Nội vụ một bức thư (hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam), trong đó, Người ghi rõ ý kiến cụ thể của mình vào từng điều và "mong quý Bộ xét và sửa kỹ hơn thì bản hương ước có thể làm mẫu cho các nơi, nó có ích nhiều cho việc thực hiện nhiệm vụ trường kỳ kháng chiến 9 năm của dân tộc"⁽²¹⁾.

Hòa bình lập lại trên Miền Bắc (tháng 10 năm 1954), tuy cơ chế quản lý kinh tế - xã hội được định hướng theo mô hình của chủ nghĩa xã hội, song mới chỉ ở bước đầu, nên làng xã chưa có nhiều thay đổi. Trong tình hình đó, hương ước vẫn còn cơ sở để tồn tại. Chính vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lưu ý đến vấn đề kế thừa những mặt tích cực của phong tục, của tự quản. Khi tiếp đoàn cán bộ tỉnh Thái Bình tại Phủ Chủ tịch (năm 1958), Người khẳng định: "Hương ước là những khoán ước trong làng. Người ta quy định với nhau không được để trâu bò phá lúa, gà què ăn mạ, ăn rau, không được trộm cắp của nhau v.v.. Đây là những phong tục hay của nông thôn nước ta trước đây. Từ sau cách mạng, các chú đem xóa bỏ cả, thế là không đúng. Cách mạng chỉ xóa bỏ cái xấu, cái dở, còn lưu giữ cái tốt, cái hay"⁽²²⁾.

Từ cuối thập kỷ 1950, quy mô cấp xã được mở rộng (một xã gồm nhiều làng) cùng với việc lấy hợp tác xã - một tổ chức kinh tế ở nông thôn - đảm nhận cả chức năng quản lý xã hội. Điều đó làm cho làng bị "hoà tan" vào hợp tác xã, nhất là từ khi quy mô hợp tác xã được đưa lên toàn xã; đã

⁽²⁰⁾ (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.645.

⁽²¹⁾ Bộ Văn hóa - Thông tin (1998), *Một số giá trị văn hoá ở cơ sở nông thôn hiện nay*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, tr.164-165.

⁽²²⁾ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Thái Bình (1970), *Thái Bình năm lần đón Bác*, tr.30.

từng bước thủ tiêu tính tự quản và tính tự chủ của làng, dẫn đến “triệt tiêu” sự tồn tại của hương ước.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khoản 10, tháng 4 năm 1988) tạo cho nông thôn những thay đổi tương đối toàn diện và sâu sắc, tạo tiền đề cho sự “tái lập làng tiểu nông”. Các thiết chế dân dã, các lĩnh vực của đời sống đều lấy làng làm trọng tâm. Cả các thiết chế “quan phương” như tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng cũng hướng theo sự thay đổi đó. Việc khẳng định trở lại vị trí và vai trò của làng cũng đòi hỏi phải xử lý những vấn đề mới nảy sinh. Khi cấp xã còn lúng túng chưa kịp “bắt nhịp” với các nhiệm vụ quản lý hành chính thì làng - với tính cách là một cộng đồng mang tính tự quản cao - đã chủ động thể hiện vai trò của nó trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh. Một số làng của tỉnh Hà Bắc cũ đã chủ động lập ra các bản quy ước làng nhằm quản lý được các mặt đời sống của cộng đồng.

Việc xây dựng quy ước làng như là biểu hiện của việc khôi phục lại hương ước đã được các nhà nghiên cứu quan tâm, khuyến nghị với các cấp có thẩm quyền và được chấp nhận. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (khóa VII, tháng 6 năm 1993) chỉ rõ: “Khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, các quy chế và nếp sống văn minh ở thôn xã”. Tiếp đó, Văn kiện Đại hội VIII của Đảng cũng khẳng định lại vai trò của hương ước mới trong việc xây dựng nếp sống tự quản, xây dựng đời sống văn hóa trong các đơn vị dân cư (làng, ấp, bản, buôn), góp phần vào việc thực hiện cơ chế làm chủ của nhân dân, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Ngày 19 tháng 6 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị 24 CT-Ttg về việc xây dựng và thực hiện hương ước ở cơ sở. Nghị

quyết chuyên đề về đại đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc và tôn giáo (Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, đầu năm 2003) chỉ rõ: “Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc” và “Xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở các thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, hoạt động trên cơ sở hương ước không trái pháp luật. Chú trọng bồi dưỡng và hướng dẫn những người có uy tín trong cộng đồng tham gia đóng góp cho phong trào chung. Phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống như làng, bản, dòng họ, gia đình, đồng thời, kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc”⁽²³⁾. Từ phong trào xây dựng quy ước làng phát triển thành phong trào “Xây dựng làng văn hóa” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư”.

Việc soạn thảo quy ước làng (sau này gọi là hương ước mới) không phải là sự “hoài cổ”, mà là nhu cầu nội thân của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ trước những đổi thay toàn diện và sâu sắc của cơ chế khoán 10; điều đó khẳng định trở lại về sự kế thừa truyền thống tự quản của làng Việt cũng như của các đơn vị dân cư trong các xã hội tiền công nghiệp. Không phải ngẫu nhiên mà ở các nước không có hương ước, cả những nước công nghiệp phát triển, người ta vẫn nhấn mạnh vấn đề về quyền tự quản ở cơ sở. Khái niệm “quyền tự quản của cơ sở” ra đời ngay trong lòng xã hội tư bản.

⁽²³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.23.

Sau một phần tư thế kỷ, kể từ khi công cuộc Đổi mới “đột phá” vào lĩnh vực nông nghiệp, tạo ra những thay đổi lớn lao cho nông nghiệp, nông thôn và người nông dân, tạo tiền đề cho việc tái lập cấp thôn (làng) và tái lập hương ước, hương ước vẫn khẳng định được chỗ đứng của nó trong đời sống xã hội nông thôn. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, cần có một nghiên cứu, đánh giá nghiêm túc, chính xác và đầy đủ hơn về những mặt được và chưa được của hương ước, để có thể đưa ra một hướng giải quyết mới cho việc xác định vị trí của nó trong thời gian tới.

4. Kết luận

Trong xã hội truyền thống, người nông dân sống trong các đơn vị tụ cư cơ bản là làng. Trong xã hội đó nền kinh tế nông nghiệp lúa nước là chủ đạo; hệ thống thiết chế giải quyết các mối quan hệ, các phong tục tập quán về các khía cạnh đời sống hình thành đến giữa thế kỷ XV được văn bản hóa thành hương ước. Suốt quá trình phát triển của các cộng đồng làng, phong tục và hương ước là công cụ chính yếu để quản lý đời sống cộng đồng.

Công cuộc xây dựng xã hội mới nói chung, xây dựng nông thôn mới nói riêng ở nước ta được tiến hành từ lâu. Đây là quá trình xây dựng, cải tạo một xã hội nông thôn truyền thống; ở đó nhiều tàn dư cũ có sức sống lâu bền, thể chế truyền thống vẫn còn tác dụng, các phong tục, hương ước là những công cụ điều chỉnh xã hội và quản lý xã hội. Phong tục, hương ước vừa là một khía cạnh của văn hóa tinh thần, vừa có giá trị quản lý. Bên cạnh các yếu tố tích cực, nhiều yếu tố của phong tục, hương ước nói riêng, của làng xã nói chung đã trở thành “trở lực” cho sự phát triển.

Quá trình xây dựng nông thôn mới là

quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam dần dần nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa truyền thống và hiện tại, thực chất là giải quyết mối quan hệ giữa tự quản và hành chính, giữa tục và luật; cũng là mối quan hệ giữa những chủ quan duy ý chí với thực tiễn xã hội. Một thời gian dài đến trước công cuộc Đổi mới, các chỉ thị, nghị quyết chỉ có tính chất áp đặt cùng với các thiết chế của hệ thống chính trị, cơ chế hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp hợp thành phương thức quản lý chính đối với nông thôn. Do vậy, hiệu quả của cách quản lý đó rất kém.

Công cuộc Đổi mới tạo ra những bước thay đổi toàn diện, mạnh mẽ và sâu sắc cho nông thôn; giúp cho Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rõ vai trò quan trọng của pháp luật và việc quản lý xã hội bằng pháp luật, từ đó hình thành các luận điểm về nhà nước và pháp quyền xã hội chủ nghĩa; thể hiện trong văn kiện các Đại hội Đảng toàn quốc (từ Đại hội lần thứ VII) và các Hội nghị Trung ương, trong các hoạt động thực tiễn về xây dựng pháp luật, hoàn thiện bộ máy nhà nước các cấp, nhất là ở xã - cấp hành chính cuối cùng, sát dân nhất. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta cũng thấy được những hạt nhân hợp lý và những nhân tố tích cực của văn hóa truyền thống, nhất là của phong tục và hương ước, nên đã kịp thời chỉ thị, chỉ đạo việc lập lại hương ước ở các làng quê và nhân rộng thành các phong trào “Xây dựng làng văn hóa”, “Xây dựng đời sống văn hóa trong các cộng đồng dân cư”. Điều đó có tác dụng to lớn trong việc xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay khác hẳn với các giai đoạn trước đây. Nông thôn trước công cuộc Đổi mới chưa có sự chuyển biến

mạnh về kinh tế, vẫn dựa vào nông nghiệp là chính, phần lớn cư dân sống ở nông thôn, quản lý xã hội vẫn dựa vào các chỉ thị, phong tục là chính. Ngày nay, kinh tế nông nghiệp chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ, nông thôn đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa. Vì thế, quản lý xã hội phải dựa vào luật pháp là chủ đạo; bên cạnh việc nỗ lực đưa pháp luật vào nông thôn, còn phải dân chủ hóa xã hội nông thôn, phải lưu ý đến việc giải quyết vấn đề quản lý xã hội nông thôn còn đậm đặc nhiều yếu tố của truyền thống, một xã hội đang vận động, chưa phát triển, cái mới đã có nhưng chưa được khẳng định rõ nét, cái cũ chưa mất.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Tỉnh ủy Thái Bình (1970), *Thái Bình năm lần đón Bác*, Thái Bình.
2. Bộ Tư pháp (2007), *Quốc triều hình luật - những giá trị lịch sử và đương đại góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
3. Bộ Văn hóa Thông tin (1998), *Một số giá trị văn hoá ở cơ sở nông thôn hiện nay*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
4. Phan Đại Doãn (Chủ biên) (1996), *Quản lý xã hội nông thôn hiện nay - một số vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Phan Đại Doãn (2001), *Làng Việt Nam, một số vấn đề kinh tế, xã hội và văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ năm, khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Bùi Xuân Đỉnh (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
15. Bùi Xuân Đỉnh (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Bùi Xuân Đỉnh (2005), *Nhà nước và pháp luật thời phong kiến ở Việt Nam, những suy ngẫm*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
17. Dương Lan Hải, Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (1998), *Nghiên cứu Việt Nam - một số vấn đề về kinh - tế - xã hội - văn hoá*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
18. Hồ Chí Minh (1980), *Tuyển tập*, t.2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
19. V.I.Lênin (1961), *Chúng ta từ bỏ di sản nào*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
20. V.I.Lênin (1977), *Về pháp chế xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
21. *Quốc triều hình luật* (1991), bản dịch, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
22. Đào Trí Úc (Chủ biên) (2003), *Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian (2000), *Luật tục và việc phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Insun Yu (1994), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

